TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỜ ĐỎ** **TP. CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2018/HNGĐ-ST
Ngày 06-04-2018
V/v ly hôn giữa chị C và anh L

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Viễn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Thơm
2. Ông Nguyễn Hoàng Hải

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Giai Thoại - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa***: ông Lưu Quốc Phú.- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 72/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, Ca tài sản khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 60/2017/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Kim C, sinh năm 1989 "có mặt"
Địa chỉ:xã A, huyện C, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Anh Trần Vũ L, sinh năm 1984 "vắng mặt".
Địa chỉ: xã H, huyện Đ, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 19-10-2017, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Thị Kim C trình bày: Về quan hệ hôn nhân, chị C và anh L tự tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng khoảng 03 năm trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh L không chí thú làm ăn, thường xuyên rượu chè, vợ chồng xảy ra cải vã. Vợ chồng ly thân khoảng 03 năm nay. Xét thấy, vợ chồng không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên chị C yêu cầu chấm dứt quan hệ như vợ chồng với anh L. Về nuôi con chung:

Anh chị có 02 con chung tên Trần Văn T sinh ngày 01-11-2008 và Đặng Thị Trúc H sinh ngày 07-9-2012, các con đang sống cùng mẹ. Chị C có yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Về Chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh, chị không có nợ chung.

Bị đơn anh Trần Vũ L thống nhất với lời trình bày của chị C về thời gian anh chị chung sống với nhau, con chung, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian ly thân. Về tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ anh L xác định không có. Nay chị C xin chấm dứt qun hệ vợ chồng anh L đồng ý. Con chung đồng ý giao chị C nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị C, tuyên bố không công nhận chị C và anh L là vợ chồng. Về con chung, giao các con cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị C không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Vũ L là bị đơn được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh L chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xảy ra cãi vã, bất hòa. Vợ chồng đã ly thân thời gian dài, tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên cả hai thống nhất yêu cầu chấm đứt quan hệ vợ chồng. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận chị C và anh L là vợ chồng.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung, anh L đồng ý giao các con cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chị C không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự, không trái pháp luật nên ghi nhận.

[2.3] Về chia tài sản: Anh, chị xác định không có.

[2.4] Về nghĩa vụ trả nợ: Anh, chị xác định không có.

[1.5] Về án phí: Chị C phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14; Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 17 Luật Phí và lệ phí; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Đặng Thị Kim C và anh Trần Vũ L là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Văn T sinh ngày 01-11-2008 và cháu Đặng Thị Trúc H sinh ngày 07-9-2012 cho chị Đặng Thị Kim C trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị C không yêu cầu. Anh L có quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Anh, chị xác định không có.

4. Nghĩa vụ trả nợ: Anh, chị xác định không có.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Đặng Thị Kim C phải nộp 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị C đã nộp theo biên lai thu số 000622 ngày 13-12-2017 tại C cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thị hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, tuyên án có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân địa phương nơi cư trú hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- C cục THADS huyện Đ;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG X ÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Minh Viễn